

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2018
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Phượng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hồng;**
2. Ông **Trần Thành Chung.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Chúc Phương** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:

Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **18** tháng **7** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2017/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc “ *Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018, Thông báo mở lại phiên tòa số: 229/2018/TB – TA ngày 04 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 280/2018/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Ngọc H**, sinh năm 1987,

Nơi cư trú: Tổ 10, ấp V1, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Võ Văn P**, sinh năm 1982,

Nơi cư trú: Tổ 45, ấp V2, xã V, huyện A, tỉnh An Giang;

Người giám hộ đương nhiên cho ông P là bà **Trần Thị S**, sinh năm 1963,

Nơi cư trú: Tổ 45, ấp V2, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà H, bà S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Phạm Thị Ngọc H, trình bày: Bà với ông Võ Văn P tiến tới hôn nhân năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang ngày 24/3/2010. Cách đây khoảng 04 năm ông P có những biểu hiện ghen tuông, sau đó thì phát bệnh tâm thần, bà có chữa trị nhưng không hết. Năm 2017, bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A tuyên bố ông Võ Văn P mất năng lực Hành vi dân sự, theo Quyết định số 02/2017/QĐDS – ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện A thì ông P bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, trong đó chỉ định bà Trần Thị S là người giám hộ đương nhiên cho ông Võ Văn P. Từ năm 2013 đến nay thì bà và ông P đã ly thân nhau. Hiện tại ông P sống chung với mẹ ruột - bà Nguyễn Thị S. Do ông P bị bệnh, không thể cùng bà tạo dựng gia đình nên bà yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: Bà với ông P có 01 con chung tên Võ Văn K, sinh ngày 10/10/2004, hiện cháu K đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi cháu K và không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Chứng cứ bà H cung cấp cho Tòa án: Sổ hộ khẩu gia đình; Chứng minh nhân dân bà H; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh cháu Võ Văn K; Giấy khám sức khỏe tâm thần ông Võ Văn P; Quyết định giải quyết việc dân sự (Tất cả bản photocopy).

Bà Nguyễn Thị S – Người giám hộ đương nhiên cho ông P trình bày:

Bà là mẹ ruột của ông Võ Văn P, cha P chết, hiện P đang sống chung với bà và bà là người trực tiếp chăm sóc. H với P sống chung năm 2003 nhưng cách đây 04 năm thì P phát bệnh, có biểu hiện tâm thần như nói nhảm, không ngủ cứ đi lòng vòng trong xóm, lúc cười, lúc khóc. Lúc phát bệnh thì H cũng cùng bà chữa trị cho P nhưng dần bệnh tình không thuyên giảm, nên H bỏ đi từ năm 2013 đến nay. Nay H yêu cầu xin ly hôn với P thì bà không có ý kiến gì.

Về con chung: H và P có 01 con chung tên là Võ Văn K, sinh ngày 10/10/2004, hiện cháu sống với H. Nay cháu đã lớn nếu cháu muốn sống với ai thì sống.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản ghi nhận ý kiến các đương sự ngày 01/12/2017, bà S – Người giám hộ đương

nhien cho ông P trình bày ý kiến nhưng không đồng ý ký tên vào các biên bản của Tòa án, Tòa án tiến hành lập biên bản sự việc dưới sự chứng kiến của ông Trương Hoàng N - cán bộ Công an thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên toà: Bà H vẫn yêu cầu xin ly hôn với lý do không thể sống chung với ông P do ông P bị bệnh tâm thần, mất năng lực hành vi dân sự; yêu cầu được nuôi con chung là cháu K và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung xác định không có. Bà S – Người giám hộ đương nhiên cho ông P trình bày ông P bị bệnh tâm thần là có, bà cũng đang đi điều trị thuốc hàng tháng cho P, theo bà thì H và P không thể có cuộc sống vợ chồng bình thường được. Nay H yêu cầu xin ly hôn với P thì bà cũng đồng ý; về con chung thì bà đồng ý để H nuôi dạy cháu K do P bệnh cũng không chăm sóc tốt cho cháu. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc H; giao cháu Võ Văn K cho bà H tiếp tục nuôi dạy và ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: các đương sự xác định không có nên không xem xét giải quyết, sau này có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Ngọc H với ông Võ Văn P có tổ chức lễ cưới; có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 24/3/2010, là hôn nhân hợp pháp nên yêu cầu xin ly hôn của bà H được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình thì ông P tên “**Võ Văn P**” nhưng trong Giấy đăng ký kết hôn ông P tên “**Võ Văn P**”, Tòa án ra Quyết định

yêu cầu Ủy ban nhân dân xã V cung cấp hồ sơ đăng ký kết hôn giữa bà Phạm Thị Ngọc H và ông Võ Văn P. Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký kết hôn mà Ủy ban nhân dân xã V cung cấp cho tòa án, xác định tên “Võ Văn P” trong Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình và tên “Võ Văn P” trong Giấy chứng nhận kết hôn là cùng một người, cùng một số chứng minh nhân dân: 351 536 725 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 01/11/2013.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H cho rằng ông P bị bệnh tâm thần, mất năng lực hành vi dân sự nên không thể cùng bà tạo lập gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu xin ly hôn. Điều này là phù hợp với Giấy khám sức khỏe tâm thần ông Võ Văn P ngày 05/02/2016 do Bệnh viện tâm thần – Sở y tế Tiền Giang xác nhận và Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2017/QĐDS - ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện A. Biên bản làm việc ngày 01/12/2017 và tại phiên tòa thì bà S - người giám hộ đương nhiên cho ông P xác định việc ông P bệnh là có thật và hiện vẫn đang điều trị thuốc hàng tháng và bà cũng đồng ý cho bà H ly hôn với ông P, bởi theo bà thì H và P không thể có cuộc sống hôn nhân bình thường được.

Lý do bà H yêu cầu xin ly hôn là do ông P bị mất năng lực hành vi dân sự, không thể cùng bà tạo lập gia đình, điều này phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2000/NQ- HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bởi khi ông P bị bệnh thì vợ chồng không thể chăm sóc, giúp đỡ nhau trong việc thăm nom con cái; không thể tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Mặc khác HĐXX nhận thấy thời gian ly thân quá lâu từ năm 2013 đến nay, do đó việc tiếp tục sống chung lại là không thể. Từ những căn cứ trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc H.

[3] *Về con chung*: Có 01 (một) con chung tên Võ Văn K, sinh ngày 10/10/2004, hiện đang do bà H nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng. HĐXX nhận thấy ông P bị bệnh cần có người chăm sóc, nên không thể tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, việc bà H nuôi con và ông P không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K là được tiếp tục sống với bà H theo biên bản lời khai ngày 12/12/2017. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H về việc nuôi cháu K và ông P không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung*: Do bà H và bà S - người giám hộ đương nhiên cho ông P - xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]*Về nợ chung*: Bà H và bà S - người giám hộ đương nhiên cho ông P xác định không có.

[5]*Về án phí*: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc H được ly hôn với ông Võ Văn P.

Về con chung: Bà H được tiếp tục nuôi dạy một con chung tên Võ Văn K, sinh ngày 10/10/2004. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0010830 ngày 05/10/2017.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/7/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Phụng